

Số: **56** /2019/TT-BTCHà nội, ngày **23** tháng **8** năm 2019**THÔNG TƯ**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;



Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định

1. Bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Doanh nghiệp kinh doanh địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.”

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.”

3. Sửa đổi khoản 3, sửa đổi điểm a, điểm g và bổ sung điểm m, điểm n khoản 5, sửa đổi điểm b, điểm c, điểm d, bổ sung điểm đ, điểm e khoản 6 và sửa đổi khoản 7 Điều 4 như sau:

“3. Khai hải quan

a) Người khai hải quan thực hiện khai hải quan theo phương thức điện tử. Trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (sau đây gọi là Nghị định số 59/2018/NĐ-CP), người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy.

b) Căn cứ thông tin gửi hàng của chủ hàng trên tờ khai CN22, CN23, số hiệu bưu gửi E1QT, hồ sơ, tài liệu của gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thông tin do chủ hàng cung cấp cho doanh nghiệp và thông tin cảnh báo nội bộ của doanh nghiệp về sự sai khác giữa thông tin khai báo của người gửi về hàng hóa, trị giá hàng hóa với thực tế hàng hóa và các chứng từ liên quan (nếu có) để thực hiện chia nhóm như sau:

b.1) Đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu:

b.1.1) Nhóm 1: Gói, kiện hàng hóa xuất khẩu thỏa mãn các điều kiện sau:

b.1.1.1) Có trị giá hải quan dưới năm triệu đồng Việt Nam (5.000.000 đồng);

b.1.1.2) Được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0%;

b.1.1.3) Không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành.

b.1.2) Nhóm 2: Gói, kiện hàng hóa xuất khẩu không thuộc nhóm 1; gói, kiện hàng hóa xuất khẩu thuộc nhóm 1 nhưng chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền yêu cầu tự thực hiện thủ tục hải quan; gói, kiện hàng hóa có thông tin cảnh báo nội bộ của doanh nghiệp; gói, kiện hàng hóa có nghi ngờ về trị giá hải quan.

b.2) Đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu:

b.2.1) Nhóm 1: Gói, kiện hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sau đây gọi là Nghị định số 134/2016/NĐ-CP) và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành.

b.2.2) Nhóm 2: Gói, kiện hàng hóa nhập khẩu không thuộc nhóm 1; gói, kiện hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 1 nhưng chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền yêu cầu tự thực hiện thủ tục hải quan; gói, kiện hàng hóa có thông tin cảnh báo nội bộ của doanh nghiệp; gói, kiện hàng hóa có nghi ngờ về trị giá hải quan.

c) Trường hợp thiếu các thông tin trên tờ khai CN22, CN23, số hiệu bưu gửi E1QT (theo mẫu của Liên minh Bưu chính Thế giới kèm theo Thông tư này) bản giấy hoặc bản điện tử để chia nhóm hàng hóa và khai báo hải quan, doanh nghiệp thực hiện xem trước gói, kiện hàng hóa tại khu vực có camera giám sát, dưới sự giám sát của công chức hải quan:

c.1) Khi thông tin tên hàng hóa trên tờ khai CN22, CN23, số hiệu bưu gửi E1QT có sự sai khác với gói, kiện hàng hóa thực tế, công chức hải quan lập 02 biên bản có xác nhận của doanh nghiệp, mỗi bên giữ 01 bản. Biên bản phải thể hiện đúng tên hàng hóa và ghi rõ việc doanh nghiệp chịu trách nhiệm giữ nguyên trạng hàng hóa.

c.2) Doanh nghiệp thực hiện chia nhóm, khai báo hải quan theo đúng thực tế gói, kiện hàng hóa hoặc cơ quan hải quan xử lý vi phạm trong trường hợp gói, kiện hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

c.3) Doanh nghiệp phải khai báo rõ số, ngày, tháng, năm của biên bản quy định tại điểm c.1 khoản này trên tờ khai hải quan tại ô số 32 trên mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC

ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 38/2015/TT-BTC) đối với tờ khai hải quan giấy hoặc tại chỉ tiêu thông tin phần ghi chú đối với tờ khai hải quan điện tử.

d) Trường hợp cơ quan hải quan phát hiện tờ khai hải quan được khai báo theo nhóm gói, kiện hàng hóa không đúng quy định tại điểm b khoản này thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp lưu giữ gói, kiện hàng hóa chia nhóm không đúng quy định tại khu vực riêng và tiếp tục làm thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa theo nhóm được chia đúng. Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế đối với gói, kiện hàng hóa chia nhóm không đúng quy định khi làm thủ tục theo tờ khai hải quan mới.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp

a) Chia nhóm gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

g) Quản lý bưu gửi xuất khẩu sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan cho đến khi thực xuất khẩu và phát bưu gửi nhập khẩu sau khi bưu gửi đã hoàn thành thủ tục hải quan theo đúng địa chỉ người nhận trên bưu gửi.

m) Gửi thông báo về thời gian thực hiện thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa vào ngày lễ, ngày nghỉ và ngoài giờ làm việc thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc bằng văn bản đến cơ quan hải quan. Thời gian gửi thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp cần làm thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian cố định, không trùng với 08 giờ làm việc theo quy định, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản tới cơ quan hải quan về khung giờ làm việc và khoảng thời gian áp dụng khung giờ làm việc để cơ quan hải quan bố trí làm thủ tục hải quan.

n) Cung cấp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan cho chủ hàng để lưu giữ theo quy định trong trường hợp doanh nghiệp là người khai hải quan.

6. Trách nhiệm của Chi cục hải quan

b) Thực hiện miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế và quản lý thuế.

c) Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

d) Thực hiện ấn định thuế theo quy định tại Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

đ) Ngay sau khi nhận được thông báo về thời gian thực hiện thủ tục hải quan vào ngày lễ, ngày nghỉ và ngoài giờ làm việc, cơ quan hải quan có trách nhiệm phản hồi cho doanh nghiệp qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc bằng văn bản về việc bố trí làm thủ tục hải quan vào ngày nghỉ, ngày lễ và ngoài giờ làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

e) Bố trí làm thủ tục hải quan theo thời gian thông báo của doanh nghiệp và phản hồi của cơ quan hải quan quy định tại điểm m khoản 5 và điểm đ khoản này.

7. Trách nhiệm của người khai hải quan là chủ hàng, người được chủ hàng ủy quyền quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật hải quan ngày 23/6/2014 và các quy định tại Thông tư này.”

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Hồ sơ hải quan

1. Hồ sơ hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhóm 1

a) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu hoặc Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu theo chỉ tiêu thông tin tại phần A Phụ lục I Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp nộp 02 bản chính tờ khai hải quan theo Mẫu số HQ/2015/XK hoặc Mẫu số HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được khai theo hướng dẫn tại Phụ lục II Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tờ khai CN22 hoặc CN23 hoặc số hiệu bưu gửi E1QT hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật (đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu): 01 bản chụp.

c) Hóa đơn thương mại (nếu có): 01 bản chụp.

2. Hồ sơ hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhóm 2

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.”

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Thủ tục hải quan giấy đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhóm 1 quy định tại Thông tư này:

a) Trách nhiệm của doanh nghiệp

a.1) Thực hiện khai tờ khai hải quan giấy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

a.2) Xuất trình hồ sơ hải quan và gói, kiện hàng hóa để kiểm tra theo quyết định của cơ quan hải quan;